TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2018/DS-ST
Ngày: 27/11/2018.
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Lương Thị Kim Vân**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa:* Bà **Võ Thị Bích Phượng** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20/11 và 27/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 715/2017/TLST-DS, ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 331/2018/QĐXXST-DS ngày 19/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 237/2018/QĐST-DS ngày 08/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trần Văn L**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp 1, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Anh L ủy quyền cho **Vũ T A**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: số 103, đường C L, phường 3, Tp C L, Đồng Tháp.

Bị đơn: **Trần Thị C**, sinh năm 1954;

Bà C ủy quyền cho Cao Thị C T, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

Cao V L, sinh năm 1961;

Cao V T, sinh năm 1980;

Cao V D, sinh năm 1982;

Cao V L, sinh năm 1985;

Cao Thị C H, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Thị C, sinh năm 1952;

Trần Thị K H, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân huyện C L

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê C T – Chức vụ: Phó Chủ tịch;

Địa chỉ: số 30/4, khóm M T, TT M T, huyện C L, ĐT.

(Anh T A, chị T có mặt; chị Hà, bà C và đại diện Ủy ban nhân dân huyện C L có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trần Văn L (anh L ủy quyền cho Vũ T A) trình bày: Cha anh L là ông Trần V L (chết 2010) và mẹ anh L là bà Nguyễn Thị C có 02 người con là anh L và chị H.

Khi còn sống, ông L có một số phần đất thuộc các thửa 473, 493 và 544, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp 1, xã M L, huyện C L.

Đối với các thửa đất 493, diện tích 3.844m^2 và thửa 544, diện tích 5.270m^2 do anh L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không tranh chấp.

Còn thửa 473, diện tích 961m^2 do bà Trần Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa đất này là của ông nội anh L, sau đó ông nội để lại cho ông L quản lý sử dụng. Năm 1978, ông L cho vợ chồng bà C, ông Long mượn thửa đất này để ở và bà C đã đi kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất vào năm 2016.

Anh L không đồng ý việc bà C mượn đất của ông L để ở rồi tự đi kê khai đăng ký để được cấp quyền sử dụng đất. Anh xác định ông L chỉ cho bà C ở nhờ chứ không cho luôn.

Nay anh L yêu cầu bà Trần Thị C, ông Cao V L, anh Cao V T, anh Cao V D, anh Cao V L và chị Cao Thị C H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh L diện tích 961m^2, thuộc thửa 473, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp và yêu cầu hủy giấy chứng chứng quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà C.

Tại phiên tòa, anh Trần Văn L (anh L ủy quyền cho anh T A) xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể anh L chỉ yêu cầu bà Trần Thị C, ông Cao V L, anh Cao V T, anh Cao V D, anh Cao V L và chị Cao Thị C H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh L diện tích ngang 7m x dài một cạnh 35,03m và một cạnh 34,96m (từ M2 – M3 – M4 – M5 – M2) thuộc thửa 473, tờ bản đồ số 04,

đất tọa lạc tại ấp 1, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp; không yêu cầu hộ bà C trả lại hết diện tích đất thuộc thửa 473. Ngoài ra, anh L không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Bị đơn bà Trần Thị C (bà C ủy quyền cho chị C T trình bày): Vào năm 1978, ông Trần V L (cha anh L) có cho vợ chồng bà Trần Thị C và ông Cao V L (cha mẹ chị) một miếng đất (đang tranh chấp) có diện tích 961m^2, tọa lạc tại ấp 1, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp. Việc ông L cho bà C và ông Long không làm giấy tờ gì và cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Sau khi ông L cho thì bà C và ông Long sử dụng ổn định từ khi ông L cho đến nay, hàng năm đều đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước và bà C đã được cấp quyền sử dụng đất vào năm 2016.

Vào ngày 31/3/2017, bà C có tham gia hòa giải ở xã và bà C cũng đồng ý trả lại cho anh L diện tích đất ngang 8m, chiều dài hết phần đất đang tranh chấp thửa 473 (từ ngoài lộ chạy dài vào); bà C chỉ tranh chấp với anh L phần đất thuộc thửa 473 (không tranh chấp diện tích đất nào khác); phần đất đang tranh chấp phía bà C chỉ liên quan đến bà C, ông Long, anh Trinh, anh Duy, anh Lâm, chị Huệ, ngoài ra không còn liên quan đến ai nữa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do bà C quản lý, không thế chấp hay cầm cố cho ai. Nay bà Trần Thị C không đồng ý trả lại đất cho anh Trần Văn L, vì phần đất này ông L đã cho bà C và ông Long. Ngoài ra, bà C không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C và chị Trần Thị K H trình bày: Bà C và chị Hà thống nhất với nội dung trình bày của người đại diện theo ủy quyền của anh L là anh Vũ T A; bà C và chị Hà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Đối với ông Cao V L, anh Cao V T, anh Cao V D, anh Cao V L và chị Cao Thị C H đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thụ lý vụ án bổ sung, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Anh T A và chị C T thống nhất với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 13/12/2017 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp và thống nhất với kết quả định giá của Hội đồng định giá.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

+ Biên bản hòa giải ngày 31/3/2017 của Ủy ban nhân dân xã M L (photo có xác nhận);

+ Giấy chứng tử của Trần V L (photo);

- 02 giấy chứng nhận QSDĐ của Trần Văn L thửa 493 và thửa 544 (bản sao);

- Trích lục bản đồ địa C số 919, 797, 798 và văn bản cung cấp thông tin số 931 + 932 cùng ngày 25/8/2017 (bản C);

+ Giấy ủy quyền ngày 21/8/2017 (bản C);

+ Đơn yêu cầu rút một phần khởi kiện ngày 14/10/2018 (bản C).

- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp:

+ Giấy chứng nhận hộ nghèo năm 2018 (photo);

+ Sổ hộ khẩu gia đình + GCNQSDĐ bà C (photo);

+ Tờ tường trình ngày 19/12/2017 (bản C);

+ Giấy ủy quyền ngày 20/12/2017 (bản C);

- Tài liệu, chứng cứ do người có quyền L, nghĩa vụ liên quan cung cấp:

+ Văn bản ý kiến của chị Trần Thị K H và bà Nguyễn Thị C ngày 14/10/2018 (bản C);

+ Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị Trần Thị K H và bà Nguyễn Thị C ngày 24/10/2018 (bản C).

* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp.

* Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Các đương sự không thống nhất được các yêu cầu của các bên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C L phát biểu về việc chấp hành thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, việc chấp hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử là bảo đảm đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau: Do nguyên đơn có các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan liên đới trả lại phần đất đang sử dụng, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về quyền sử dụng đất" theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định

tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời tài sản đang tranh chấp tọa lạc tại xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy: Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là ông Cao V L, anh Cao V T, anh Cao V D, anh Cao V L và chị Cao Thị C H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị Hà, bà C và đại diện Ủy ban nhân dân huyện C L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất xác định hai bên chỉ tranh chấp diện tích 961m^2 (đo đạc thực tế 750,6m^2), thuộc thửa 473, tờ bản đồ 04, đất tọa lạc tại ấp 4, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp, đất cấp cho hộ bà Trần Thị C vào năm 2016, không tranh chấp diện tích đất nào khác và cũng chỉ tranh chấp quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất, không tranh chấp quan hệ pháp luật nào khác; các đương sự cũng xác định trong vụ án này chỉ liên quan đến những đương sự trên, không liên quan đến đương sự nào khác. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay bà C đang quản lý, không có thế chấp hay cầm cố cho ai.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Trần Thị C, ông Cao V L, anh Cao V T, anh Cao V D, anh Cao V L và chị Cao Thị C H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh L diện tích đất 961m^2 (đo đạc thực tế 750,6m^2), thuộc thửa 473, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp và yêu cầu hủy giấy chứng chứng quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà C. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Trần Văn L (anh L ủy quyền cho anh T A) xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể anh L chỉ yêu cầu bà Trần Thị C, ông Cao V L, anh Cao V T, anh Cao V D, anh Cao V L và chị Cao Thị C H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh L diện tích ngang 7m x dài một cạnh 35,03m và một cạnh 34,96m (từ M2 – M3 – M4 – M5 – M2), diện tích 244,97m^2, thuộc một phần thửa 473, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp 1, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp; không yêu cầu bà C và ông Long trả lại hết diện tích đất thuộc thửa 473; đồng thời anh L xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là anh L không yêu cầu hủy giấy chứng nhận đã cấp cho hộ bà C nữa mà yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C L thu hồi giấy chứng quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà C để điều chỉnh lại cấp cho anh L. Xét thấy, việc tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện và xin thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh L là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận, đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 505.63m^2, thuộc một phần thửa 473, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp 1, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với yêu cầu bà Trần Thị C, ông Cao V L, anh Cao V T, anh Cao V D, anh Cao V L và chị Cao Thị C H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh L diện tích ngang 7m x dài một cạnh 35,03m và một cạnh 34,96m (từ M2 – M3 – M4 – M5 – M2), diện tích 244,97m^2, thuộc một phần thửa 473, tờ bản đồ số 04, đất

tọa lạc tại ấp 1, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, bởi lẽ: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của anh L là anh Vũ T A và đại diện theo ủy quyền của bà C là chị Cao Thị C T đều thống nhất xác định nguồn gốc phần đang tranh chấp là của ông Trần V L chết năm 2010 (cha của anh L, chị Hà và chồng của bà C) để lại.

Bà Trần Thị C không đồng ý theo yêu cầu của anh L, bà C cho rằng vào năm 1978, ông L (cha anh L) đã cho luôn bà và ông Long một miếng đất có diện tích 961m^2 (phần đất đang tranh chấp) tại ấp 1, xã M L, huyện C L (cho không có giấy tờ). Phần đất này bà và ông Long đã sử dụng ổn định từ khi ông L cho đến nay, hàng năm đều đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước; lúc bà đi kê khai, đăng ký để được cấp quyền sử dụng đất thì phía gia đình ông L biết và không có ý kiến hay khiếu nại gì. Việc khai nại của bà C không có chứng cứ gì để chứng minh và cũng không được anh L thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận.

Mặt khác, tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã M L ngày 31/3/2017, bà C cũng đồng ý trả lại cho anh L một phần diện tích đất ngang 8m x dài hết đất, thuộc thửa 473, tờ bản đồ số 04, do hộ bà C được cấp quyền sử dụng đất. Còn việc chị C T (đại diện theo ủy quyền của bà C) cho rằng lúc hòa giải ở Ủy ban nhân dân xã M L là do bà C bị ép buộc nên bà C mới đồng ý (bà C có ký tên và ghi họ tên vào biên bản) nhưng bà C không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc này.

Đối với bà Nguyễn Thị C và chị Trần Thị K H (vợ và con của ông L), thì đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh L, không có tranh chấp gì với anh L, không có yêu cầu khởi kiện độc lập và giao cho anh L toàn quyền quyết định.

[5] Tại phiên tòa, các đương sự đều xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì các đương sự không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng cộng là 2.584.000đ, bà Trần Thị C, ông Cao V L, anh Cao V T, anh Cao V D, anh Cao V L và chị Cao Thị C H phải liên đới chịu, nhưng do anh L đã nộp và đã chi xong nên thu của bà C, ông Long, anh Trinh, anh Duy, anh Lâm và chị Huệ để trả lại cho anh L.

[8] Về án phí: Bà Trần Thị C, ông Cao V L, anh Cao V T, anh Cao V D, anh Cao V L và chị Cao Thị C H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (do có giấy chứng hộ nghèo nên được miễn).

+ Anh Trần Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 1.800.000đ theo biên lai số 16034 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 203 của Luật đất đai; khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn L.

- Bà Trần Thị C, ông Cao V L, anh Cao V T, anh Cao V D, anh Cao V L và chị Cao Thị C H có nghĩa vụ liên đới di dời toàn bộ các tài sản có trên đất để trả lại cho anh L diện tích đất ngang 7m x dài một cạnh 35,03m và một cạnh 34,96m (từ M2 – M3 – M4 – M5 – M2), diện tích 244,97m^2, thuộc một phần thửa 473, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp 1, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp *(Theo sơ đồ đo đạc ngày 13/12/2017 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đồng Tháp)*.

- Anh Trần Văn L được quyền sử dụng diện tích đất ngang 7m x dài một cạnh 35,03m và một cạnh 34,96m (từ M2 – M3 – M4 – M5 – M2), diện tích 244,97m^2, thuộc một phần thửa 473, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp 1, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn L về việc yêu cầu bà Trần Thị C, ông Cao V L, anh Cao V T, anh Cao V D, anh Cao V L và chị Cao Thị C H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh L diện tích đất 505.63m^2, thuộc một phần thửa 473, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp 1, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C L thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Trần Thị C để điều chỉnh và cấp lại quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký phần đất mình được sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng cộng là 2.584.000đ, bà Trần Thị C, ông Cao V L, anh Cao V T, anh Cao V D, anh Cao V L và chị Cao Thị C H phải liên đới chịu, nhưng do anh L đã nộp và đã chi xong nên thu của bà C, ông Long, anh Trinh, anh Duy, anh Lâm và chị Huệ để trả lại cho anh L.

- Về án phí: Bà Trần Thị C, ông Cao V L, anh Cao V T, anh Cao V D, anh Cao V L và chị Cao Thị C H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (do có giấy chứng hộ nghèo nên được miễn).

+ Anh Trần Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 1.800.000đ theo biên lai số 16034 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C L.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

Trịnh Hữu Chinh